

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH TĨ HOÁ**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ

Ngày: 30/9/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức H1

Ông Lê Văn Kim

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn:* Bà Lê Thị Nguyệt Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12 /2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST - HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị T; sinh năm: 1983; Địa chỉ: xã Tam H, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1979; Địa chỉ: xã Đông T1, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2019 và trình bày của nguyên đơn chị Mai Thị T:

Về hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn H1 tự do tìm hiểu, sau một thời gian tìm hiểu hai người về chung sống cùng nhau vào cuối năm 2005. Ngày 23/4/2008 hai người đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông T1, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng vào nam làm ăn, chung sống hạnh phúc. Đến năm 2010 vợ chồng về sống tại xã Tam H, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đến năm 2014 anh H1 mang con về xóm 9 (nay là thôn N Tích) xã Đông T1, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, còn chị T vẫn sinh sống tại xã Tam H, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Vào tháng 4 năm 2019 chị T đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện

Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nhưng vì thương con và cũng mong anh H1 thay đổi tính tình nên chị T đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau khi rút đơn khởi kiện chị T và anh H1 vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H1 đã hoàn toàn tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H1 được ly hôn.

Về con: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 26/10/2007. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu N vẫn ở cùng anh H1 tại thôn Ngọc Tích, xã Đông T1, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hiện cháu đã quen cuộc sống và môi trường học tập nên chị T tự nguyện giao cháu N cho anh H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện đóng góp nuôi con chung cùng anh H1.

Về tài sản: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn H1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản riêng của anh H1 có 01 căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 140m² tại xóm Nam Sơn, xã Tam H, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An anh H1 tự định đoạt, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn H1 không nợ chung ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn:

Theo biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 8 năm 2019, quan điểm của anh Nguyễn Văn H1:

Về hôn nhân: Anh H1 và chị T trên cơ sở hai bên tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức hôn lễ trong miền nam vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông T1, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 24/4/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn, sinh sống trong miền nam được 3 năm. Cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường, hạnh phúc. Đến ngày 03/01/2014 anh H1 đưa con gái về quê ăn Tết, khi anh H1 quay lại thì không gặp chị T nữa, từ đó đến nay chị T bỏ đi, vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Nay chị T xin ly hôn nhưng anh H1 không đồng ý.

Về con: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Mai Thị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 26/10/2007. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh H1 để cháu N tự lựa chọn người nuôi dưỡng.

Về tài sản: Tài sản riêng của anh H1 có 01 căn nhà cấp 4 và diện tích đất anh H1 không nhớ rõ bao nhiêu m² tại địa chỉ tại xóm Nam Sơn, xã Tam H, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Cả đất và nhà đều không có giấy chứng nhận quyền sử dụng. Anh H1 yêu cầu chị T chịu trách nhiệm bán nhà và đất rồi chuyển tiền cho anh H1, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Mai Thị T không nợ chung ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Theo bản tự khai ngày 08 tháng 8 năm 2019, quan điểm của cháu Nguyễn Thị Hồng N:

Bố và mẹ sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nếu bố mẹ ly hôn cháu N có nguyện vọng được ở với bố. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con thì tùy ở mẹ.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1 và xin nhường quyền nuôi con chung của vợ chồng cho anh H1 và tự nguyện đóng góp nuôi con là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 không nhất trí ly hôn. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh H1 đồng ý nuôi con cháu Nguyễn Thị Hồng N và đề nghị chị T phải đóng góp tiền nuôi con là 01 lần. Về tài sản và công nợ cả chị T và anh H1 đều khẳng định vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà:

- Về tuân theo pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng do pháp luật quy định. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án:

+ Điều luật áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271, khoản 1 Điều 273, 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án, tuyên:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 26/10/2007 cho anh Nguyễn Văn H1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng kể từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi con thành niên.

+ Án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Mai Thị T và bị đơn là anh Nguyễn Văn H1 là Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Ngọc Tích, xã Đông T1, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn H1 đến làm việc anh H1 có đến tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, có

tham gia phiên hòa giải. Qua xác minh tại gia đình và địa phương cho biết: Anh H1 hiện vẫn đang có mặt tại địa phương. Trước khi kết hôn với chị T thì anh H1 cũng đã có vợ người cùng xã nhưng đã bỏ nhau. Chị T và anh H1 có tổ chức hôn lễ hay không thì địa phương không nắm bắt được. Hiện tại cháu Nguyễn Thị Hồng N là con chung của chị T và anh H1 đang sinh sống và học tập tại địa phương. Từ trước đến nay chị T ít khi về nhà anh H1 để sinh sống. Quá trình chung sống anh H1 và chị T có phát sinh mâu thuẫn, anh H1 thường xuyên uống rượu say và đánh đập vợ.

Ngày 10/9/2019 Tòa án đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất anh H1 vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp tất cả các văn bản tố tụng cho anh H1 theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H1 có mặt.

[2]. Về nội dung vụ án:

* *Về hôn nhân*: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở hai người tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông T1, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 23 tháng 4 năm 2008. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì vợ chồng về quê chị T ở xóm Nam Sơn, xã Tam H, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An để sinh sống. Đến năm 2013 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống luôn căng thẳng nên tình cảm phai nhạt dần. Vợ chồng sống ly thân năm 2014 không có trách nhiệm gì với nhau. Mặc dù anh H1 không nhất trí ly hôn nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án rất nhiều lần anh H1 chửi mắng, xúc phạm chị T. Tại phiên tòa anh H1 còn có thái độ hành hung chị T nhưng chị T không yêu cầu HĐXX về hành vi gây thương tích của anh H1 đối với chị T. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân vợ chồng của anh H1 và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

* *Về con*: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn H1 đều thống nhất: Vợ chồng 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 26/10/2007. Chị T và anh H1 thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Hồng N cho anh H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị T tự nguyện đóng góp nuôi con chung cùng anh H1 là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng.

Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn H1 buộc chị Mai Thị T phải đóng góp tiền nuôi con là 01 lần. Xét thấy: Chị T là lao động tự do không có thu nhập ổn định nên yêu cầu của anh H1 không có cơ sở để chấp nhận.

* *Về tài sản*: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn H1 đều thống nhất: Vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* *Về công nợ*: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn H1 khẳng định vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con, tài sản, công nợ giữa chị T và anh H1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, có căn cứ phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Chị Mai Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Mai Thị T phải nộp tiền án phí DSSt đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H1.

Căn cứ: khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn H1.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Giao cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 26/10/2007 là con chung của vợ chồng cho anh Nguyễn Văn H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chị Mai Thị T tự nguyện đóng góp nuôi con chung cùng anh H1 là 1.500.000đ (một triệu trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian đóng góp tính từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Buộc chị Mai Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2018/0006519 ngày 18/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị Mai Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Sơn
- Các đương sự.
- UBND xã Đông TI
- Thi hành án huyện Đông Sơn.
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tố Như